

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm; 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên Tiếng Việt: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Tên Tiếng Anh: Vietnam University of Traditional Medicine.

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 2, Đường Trần Phú, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 024 33824929
- Số Fax: 024 33824929; 024 33824931
- E-mail: hocvienyduoc@ms.vutm.edu.vn
- Website: vutm.edu.vn
- Học viện đang quản lý và sử dụng diện tích đất tại Thôn Đồng Tiến, Xã Phương Dục, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ quan tổ chức quản lý trực tiếp: Bộ Y tế

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mạng: Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao tri thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Tầm nhìn: Đến năm 2045, xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Giá trị cốt lõi: Thừa kế - Phát triển, Đoàn kết - Sáng tạo, Chất lượng - Hiệu quả.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Trung học YHCT Tuệ Tĩnh- ngôi trường có bề dày truyền thống trong công tác đào tạo nguồn nhân lực y học cổ truyền. Phát huy truyền thống, Học viện không ngừng đổi mới, lớn mạnh về mọi mặt để khẳng định được vị trí quan trọng trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học về y, dược học cổ truyền đối với đất nước và khu vực.

5.1. Về công tác đào tạo, Học viện đã được phép tuyển sinh và tổ chức đào tạo các chương trình:

- Đại học: Y học cổ truyền, Y khoa và Dược học.

- Sau đại học: Tiến sĩ Y học cổ truyền, Thạc sĩ Y học cổ truyền, Thạc sĩ Dược liệu- Dược học cổ truyền; Chuyên khoa II Y học cổ truyền, Chuyên khoa I Y học cổ truyền, Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền, Chuyên khoa I Châm cứu, Chuyên khoa I Dược liệu- Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu.

- Chương trình liên kết với Đại học Trung Y Dược Thiên Tân, Trung Quốc tuyển sinh đến năm 2023.

Quy mô đào tạo tăng nhanh từ 700 học sinh năm 2005, đã tăng lên trên 6.000 học viên, sinh viên năm 2024.

- Đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo quốc tế:

- (i) Y học cổ truyền: Kinh dịch, y học cổ truyền cơ bản 09 tháng, 6 tháng; Cập nhật kiến thức để duy trì CCHN theo quy định của Luật KCB; Xoa bóp bấm huyệt; Tác động cột sống; Dưỡng sinh; Châm cứu; Thủy châm; Thời châm; Cấy chỉ thẩm mỹ; Thực dưỡng đông y; Điều trị phối hợp YHCT kết hợp YHHĐ bệnh lý hậu môn- Trực tràng; Phối hợp YHCT kết hợp YHHĐ trong Y học giới tính...

- (ii) Dược: Cập nhật kiến thức cho người làm công tác dược lâm sàng, các vị thuốc nam thường dùng, bào chế thuốc nước.

- (iii) Phát triển giảng viên: phương pháp sư phạm y học, phương pháp sư phạm lâm sàng

Học viện đã đào tạo và bổ sung cho ngành y tế gần 11.000 cán bộ y tế trình độ đại học, sau đại học (94 Tiến sĩ và Bác sĩ CKII, 542 Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú, 954 Bác sĩ chuyên khoa cấp I, 7.626 Bác sĩ y học cổ truyền, 316 bác sĩ y khoa, 688 dược sĩ đại học, hơn 618 sinh viên tốt nghiệp hệ đào tạo liên kết với trường Đại học Trung Y Dược Thiên Tân, TQ) và hàng nghìn y sĩ y học cổ truyền, kỹ thuật viên...

5.2. Về kiểm định chất lượng đào tạo, Học viện đã 02 lần được nhận chứng chỉ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kì 1 năm 2018, chu kì 2 năm 2023) và đạt kiểm định 03 chương trình đào tạo trình độ đại học: Dược học, Y khoa và Y học cổ truyền.

5.3. Về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: 11 phòng chức năng, 04 khoa (43 bộ môn), 06 đơn vị thuộc và trực thuộc. Tổng số viên chức người lao động của Học viện là 490 người trong đó đội ngũ giảng viên là 250 người (17 PGS, 66 tiến sĩ, CKII; 159 thạc sĩ, CKI).

5.4. Về công tác khoa học công nghệ, Học viện lần đầu tiên đã đăng ký thành công đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước thuộc chương trình trọng điểm cấp quốc gia. Số lượng đề tài cấp cơ sở đã tăng lên đáng kể so với giai đoạn trước, cụ thể: 02 đề tài cấp Nhà nước; 19 đề tài, dự án cấp Bộ; 520 đề tài cấp cơ sở; công bố 570 bài đăng trên tạp chí trong nước, 83 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế; đã tổ chức xét hồ sơ và trình Hội đồng giáo sư ngành Y và Hội đồng giáo sư Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư cho 40 nhà giáo; quyết định bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư đối với 43 nhà giáo.

5.5. Công tác Hợp tác quốc tế, với mục tiêu chia sẻ kinh nghiệm và lan tỏa y học cổ truyền Việt Nam ra thế giới, Học viện đã kí kết nhiều biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác không chỉ về đào tạo, khám chữa bệnh, phát triển nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học của Trung Quốc, Mỹ, Bungari, Séc, Thụy Điển, Hàn Quốc, Nhật Bản... Hợp tác nghiên cứu theo chương trình nghị định thư giữa hai quốc gia Việt Nam - Trung Quốc với Đại học Trung y dược Bắc Kinh, Đại học Trung y Dược Nam Kinh, Đại học Dược khoa Trung Quốc, Đại học Trung y dược Quảng Tây, Đại học Công nghiệp Chiết Giang, Trung Quốc. Thành công trong đào tạo các khóa ngắn hạn cho sinh viên quốc tế với Trường quốc tế Chi Lê, tổ chức nhiều chương trình giao lưu học thuật nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên Việt Nam với Đại học Trung y dược Quảng Tây.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, 55 năm truyền thống, Học viện đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới góp phần đưa y học cổ truyền Việt Nam vươn xa trên trường quốc tế. Với định hướng phát

triển Học viện thành cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục đại học định hướng ứng dụng, có hệ thống quản trị Học viện theo mô hình quản trị đại học tiên tiến, đạt chuẩn chất lượng giáo dục và xếp hạng trong các trường đại học. Học viện tiếp tục mở rộng mã ngành đào tạo thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe trình độ đại học và sau đại học, đồng thời cung ứng các khóa đào tạo liên tục về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm cung cấp đội ngũ nhân lực y tế trình độ cao. Phát triển khoa học công nghệ, ưu tiên lĩnh vực YHCT, hợp tác quốc tế, thu hút các nhà khoa học đến làm việc và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Tăng cường, mở rộng quan hệ với các đối tác, đa dạng hóa hình thức hợp tác với các cơ sở giáo dục trong nước và nước ngoài. Xây dựng đội ngũ nhân lực đủ về số lượng, có chất lượng cao. Hoàn chỉnh cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và các hoạt động công nghệ thông tin, thư viện đảm bảo đồng bộ, hiện đại hóa, khai thác sử dụng hiệu quả. Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam quyết tâm tiếp tục khẳng định vai trò là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu cả nước đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền, y khoa, dược và các ngành thuộc khối ngành sức khỏe khác ở trình độ đại học, sau đại học; kết hợp y học cổ truyền, y học hiện đại, thừa kế, bảo tồn và phát triển y dược cổ truyền, đóng góp ngày càng thiết thực vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Quốc Huy

Chức vụ: Giám đốc Học viện

Địa chỉ nơi làm việc: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam Số 2, Đường Trần Phú, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 024 33824929

Địa chỉ thư điện tử: huyhup2010@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường

Hội đồng trường Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 2959/QĐ-BYT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế gồm 19 thành viên, PGS.TS. Phạm Quốc Bình được Bộ trưởng Bộ Y

tế quyết định công nhận là Chủ tịch Hội đồng trường. Do điều kiện công tác hiện tại thành viên Hội đồng trường gồm 16 thành viên:

1. PGS.TS. Phạm Quốc Bình – Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường;
2. PGS.TS Nguyễn Quốc Huy - Giám đốc Học viện;
3. ThS. Nguyễn Vinh Huy Chính – Chủ tịch công đoàn Học viện;
4. TS. Đinh Thị Hồng Minh - Phó trưởng phòng KHCN&HTQT, Thư kí HĐT;
5. TS. Nguyễn Ngô Quang - Cục trưởng Cục KHCN&ĐT, Bộ Y tế;
6. PGS.TS Đậu Xuân Cảnh - Chủ tịch Trung ương Hội Đông y;
7. PGS.TS Vũ Nam - Giám đốc Bệnh viện YHCT Trung ương;
8. PGS.TS Trần Văn Thanh - Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương;
9. PGS.TS Nguyễn Mạnh Khánh - Phó Giám đốc Bệnh viện Việt Đức;
10. PGS.TS Đoàn Quang Huy - Phó Giám đốc Học viện;
11. TS. Trần Đức Hữu - Phó Giám đốc Học viện;
12. TS. Phạm Thái Hưng - Trưởng Khoa YHLS;
13. PGS.TS Trần Thị Thu Vân – Trưởng Bộ môn Phương tễ;
14. ThS. Nguyễn Thái Sơn – Trưởng khoa Bệnh viện Tuệ Tĩnh;
15. DS. Lê Hồng Trung - Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược Trung ương Mediphlantex;
16. Sinh viên Vũ Tiến Anh - Ủy viên BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện.

c. Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc Học viện.

1. Nguyễn Quốc Huy: Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/6/2021 về việc Bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Học viện (thời hạn theo nhiệm kỳ của HĐT HVYDHCTVN 2020-2025, hiệu lực từ ngày 16/6/2021)

2. Đoàn Quang Huy: Quyết định số 4368 ngày 10/8/2016 Bổ nhiệm Phó Giám đốc Học viện;

- Quyết định số 729 ngày 09/8/2021 về việc bổ nhiệm lại Phó giám đốc Học viện (thời hạn theo nhiệm kỳ của HĐT HVYDHCTVN 2020-2025, hiệu lực từ ngày 09/8/2021)

3. Lê Mạnh Cường: Nghị quyết số 654/NQ-HĐT ngày 31/03/2022 vv tiếp nhận, bổ nhiệm Phó giám đốc Học viện (thời hạn theo nhiệm kỳ của HĐT HV 2020-2025, hiệu lực từ ngày 01/4/2022)

4. Trần Đức Hữu: Nghị quyết số 64/NQ-HĐT ngày 23/4/2025 vv bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc phụ trách chuyên môn Học viện (thời hạn theo nhiệm kỳ của HĐT HV 2020-2025, hiệu lực từ ngày 23/4/2022)

d. Quy chế tổ chức hoạt động

- Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Chức năng:

Đào tạo nguồn nhân lực ở trình độ đại học, sau đại học thuộc ngành y học cổ truyền, y khoa, dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, liên tục đáp ứng nhu cầu xã hội; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học; Chuyển giao công nghệ nghiên cứu phát triển thuốc, mỹ phẩm, các sản phẩm bảo vệ sức khỏe, nghiên cứu bảo tồn, phát triển nguồn nhiên liệu làm thuốc, làm các bài thuốc, các phương pháp khám chữa bệnh y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại phục vụ cộng đồng, tổ chức hoạt động khám chữa bệnh và các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nhiệm vụ:

1. Xây dựng chiến lược kế hoạch phát triển học viện

2. Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại, phù hợp với yêu cầu trong nước và thông lệ quốc tế nhằm liên tục nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu người tuyển dụng, đảm bảo sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo. Biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo.

Tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật. Tham gia dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực đào tạo của học viện

3. Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo của học viện. Tăng cường các điều đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Quản lý người học đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục

5. Tổ chức bộ máy tuyển dụng, quản lý xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý viên chức, người lao động

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y dược, cổ truyền, y dược. Thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của học viện và các lĩnh vực khác liên quan theo quy định của luật khoa học và công nghệ, luật giáo dục và các quy định khác của pháp luật.

7. Thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh, phát triển bệnh viện, thực hành các trung tâm, cơ sở dịch vụ khoa học kỹ thuật để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ y tế, sản xuất, kinh doanh

8. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế, khoa học công nghệ và triển khai các dịch vụ trong nước và nước ngoài

8a. Xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về đội ngũ viên chức, người lao động các hoạt động đào tạo khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của học viện về quá trình học tập và phát triển sau tốt nghiệp của người học thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động của học viện

Quyền hạn:

1. Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của học viện xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển học viện phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành y tế ngành giáo dục và đào tạo và của nhà nước

2. Quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn

a. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định quản lý nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và tài sản phục vụ cộng đồng

b. Mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học, các chương trình đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu xã hội, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, tổ chức quá trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tổ chức biên soạn hoặc chọn giáo trình, tài liệu phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo. Đối với các ngành, chuyên ngành được phép đào tạo theo quy định.

c. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo đề án của học viện

d. Quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật

đ. Tự đánh giá chất lượng và lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo của học viện

e. Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước, các trường đại học, các tổ chức đào tạo có uy tín trên thế giới, công khai thông tin về các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người học

g. Quyết định hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học, công nghệ với các cơ sở đào tạo, cơ sở y dược trong nước và quốc tế, quyết định tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ y tế, tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

h. Thực hiện các quyền tự chủ khác về học thuật và hoạt động chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật

3. Quyền tự chủ về bộ máy và nhân sự

a. Xây dựng tổ chức bộ máy thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc trực thuộc học viện, đơn vị cấu thành các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định về phân cấp, phân quyền của học viện và theo quy định của pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy này.

b. Phát triển đội ngũ viên chức, người lao động trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển của học viện

c. được, nhà nước giao hoặc cho thuê đất cơ sở vật chất được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phạm Quốc Bình	25/04/1968	Chủ tịch Hội đồng trường	02433824929	phamquocbinh68@gmail.com
2	Nguyễn Quốc Huy	28/10/1974	Giám đốc Học viện	02433824929	huyhup2010@gmail.com / huyhu-pho@gmail.com
3	Lê Mạnh Cường	22/10/1968	PGĐ Học viện; Giám đốc BVTT	02433824929	drcuong68@gmail.com
4	Trần Đức Hữu	02/01/1981	PGĐ Học viện	02433824929	ts.bs.huu@gmail.com
5	Đoàn Quang Huy	19/05/1965	PGĐ Học viện	02433824929	huyyhct@gmail.com/ huydoanquang195@gmail.com
6	Phạm Thái Hưng	03/10/1973	Trưởng khoa YHLS	02433824929	phamthaihung73@gmail.com
7	Nguyễn Văn Quân	04/09/1964	Phụ trách khoa Dược	02433824929	quanphuongduoc@gmail.com
8	Chu Văn Đức	17/10/1978	Trưởng khoa KHYS	02433824929	chuduc78@yahoo.com.vn
9	Đinh Nguyễn An	23/11/1981	Trưởng BM LLCT; Phó trưởng khoa KHCB;	02433824929	dinhnguyenan1181@gmail.com
10	Nguyễn Vinh Huy Chính	06/08/1973	Trưởng phòng HC-TH	02433824929	huychinhnguyenvinh@gmail.com
11	Nguyễn Hùng Đại	15/06/1974	Phụ trách phòng TCKT	02433824929	daikthc@gmail.com
12	Phí Thị Việt Hà	19/03/1979	Trưởng phòng KHCN&HTQT	02433824929	vietha79vatm@gmail.com
13	Nguyễn Văn Hoan	20/11/1975	Trưởng phòng	02433824929	hoan.vatm@gmail.com

			P.VT,TTB & CTYT		il.com
14	Nguyễn Thị Kim Ngân	30/10/1969	Trưởng phòng QLCL	02433824929	ngan_duong1969@yahoo.com
15	Đỗ Văn Pha	30/06/1972	Phụ trách phòng CNTT	02433824929	dopha2005@mail.com
16	Nguyễn Ngọc Quỳnh	27/04/1982	Phụ trách phòng Thanh tra - Pháp chế	02433824929	ngocquynh37@gmail.com
17	Đoàn Minh Thụy	01/03/1971	Phụ trách phòng ĐT SDH	02433824929	doanminhthuyvn@yahoo.com
18	Đoàn Hữu Xuyên	20/11/1977	Trưởng phòng CTCT và QLSV; Phụ trách phòng TCCB;	02433824929	doanxuyen77@gmail.com
19	Trần Quang Minh	26/08/1978	Trưởng phòng ĐTĐH	02433824929	tranquangminh260878@gmail.com
20	Vũ Đức Lợi	17/11/1983	Phụ trách Viện nghiên cứu YDCT Tuệ Tĩnh	02433824929	ducloi82@gmail.com
21	Nguyễn Thị Hồng Thoa	24/06/1984	Phó Giám đốc Thư viện	02433824929	nguyenhongthoa24061984@gmail.com
22	Ngô Văn Trọng	06/11/1981	Phụ trách TT Thực hành Tiền lâm sàng	02433824929	trong.tmh@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

1. Nghị quyết số 60/NQ-HĐT ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường về việc ban hành đề án phát triển Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam thành cơ sở giáo dục trọng điểm về YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Nghị quyết số 482/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

3. Quyết định số 2729/QĐ-HVYDCT ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.
4. Quyết định số 4846/TCCB-HVYDCT ngày 19/12/2024 về Hỗ trợ thu hút tuyển dụng viên chức của HVYDHCTVN
5. Quyết định số 1855/QĐ-HVYDCT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.
6. Nghị quyết số 11/NQ-HĐT của Hội đồng trường Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Danh mục vị trí việc làm của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam
7. Quyết định số 893/QĐ-BYT ngày 09/04/2024 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (có danh mục vị trí việc làm kèm theo)
8. Quyết định số 3069/QĐ-HVYDCT ngày 02/11/2022 của Học viện Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, trợ giảng, nghiên cứu viên tại Học viện YDHCTVN
9. Nghị quyết số 1266/NQ-HĐT ngày 01/6/2022 của HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Chiến lược, kế hoạch phát triển của học viện YDHCTVN giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.
10. Quyết định số 1597/QĐ-HVYDCT ngày 01/07/2022 về việc Ban hành Quy định về việc tiếp công dân của Học viện YDHCT Việt Nam
11. Quyết định số 3069/QĐ-HVYDCT ngày 02/11/2022 của Học viện Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, trợ giảng, nghiên cứu viên tại Học viện YDHCTVN
12. Quyết định số 1306/QĐ-HVYDCT ngày 07/06/2022 về việc Ban hành Quy chế làm việc của Học viện YDHCT Việt Nam
13. Quyết định số 1291/QĐ-HVYDCT ngày 06/06/2022 về việc ban hành Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2026 và tầm nhìn đến năm 2030
14. Quyết định số 1329/QĐ-HVYDHCTVN ngày 31/12//2021 về việc Ban hành Quy định xem xét tiếp nhận công chức, viên chức từ đơn vị khác chuyển công tác đến Học viện YDHCT Việt Nam

15. Quyết định số 1148/QĐ-HVYDCT ngày 29/11/2021 về việc Ban hành Nội quy tiếp công dân

16. Quyết định số 968/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 28/10/2021 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Tuệ Tĩnh trực thuộc Học viện YDHCTVN

17. Nghị quyết số 483/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 Quy chế tài chính của Học viện YDHCTVN

18. Nghị quyết số 480/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Học viện YDHCTVN nhiệm kỳ 2020-2025

19. Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện YDHCTVN

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	14.57	14.25
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	248/250	259/260
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	83/250	74/260

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Lĩnh vực đào tạo sức khỏe	250	8	159	83	17	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Lĩnh vực đào tạo sức khỏe	248	8	159	81	16	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	115	120
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	7	7
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	122/250	127/260

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	4.09	4.09
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2.97	2.97
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	70%	70%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	532	532
5	Số bản sách/người học	50,8	50,8
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	12%	12%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	166,7	166,7

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 02 Đường Trần Phú Phường Mộ Lao Quận Hà Đông Hà Nội, Cơ sở khu B xã Phụng Dục, Phú Xuyên, Hà Nội	22739.5	28.790
Tổng cộng			22739.5	28.790

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục- Hiệp hội các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam. (CEA- AVUC)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Chu kỳ 2 theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT 19/5/2017 có 111 tiêu chí, 25 tiêu chuẩn.

- Mức độ đạt kiểm định:

+ Chu kỳ 2: Đạt tiêu chuẩn kiểm định 90,99%

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 13 tháng 05 năm 2024 đến ngày 13 tháng 05 năm 2029

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7720201	Dược học	Dược học trình độ đại học	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Trường đại học Vinh	04/03/2029
2	720115	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền trình độ đại học	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Trường đại học Vinh	Năm 2030

3	7720101	Y khoa	Y khoa trình độ đại học	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Trường đại học Vinh	Năm 2030
---	---------	--------	----------------------------	---	----------

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1.1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	107,6%	99,7%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	15,5%	4,02%
3	Tỷ lệ thôi học	2,18%	4,76%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	2,43%	2,76%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	96,6%	88,26%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	92,6%	79,03%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	76,1%	75,8%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	90,5%	Chưa thực hiện
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	97,9%	97,57

1.2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Sức khỏe				
	Chính quy	5623	1100	852	98,68%

2. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

2.1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024	Năm 2023 liên kê năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	64 %	57%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	51%	72%
3	Tỉ lệ thôi học	0%	1,38%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0%	6,6%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	100%	100%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	100%	76%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	93%	100%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	91,2%	100%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	97,9%	99%

2.2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2024

TT	Số lượng người học	Đang học năm 2024	Tuyển mới năm 2024	Tốt nghiệp Năm 2024	Tỷ lệ việc làm ¹³
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu	58	30	38	97,9%
1	Y học cổ truyền định hướng ứng dụng	30	30	0	97,9%
III	Tiến sĩ				
1	Y học cổ truyền	8	05	0	97,9%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0,5%	0,0%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,3	0,3
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,1	0,06

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	01	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	02	0
3	Đề tài cấp cơ sở	24	0
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	03	1.043.750.000
5	Đề tài hợp tác quốc tế	00	0
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	63	75
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	13	8
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	0
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

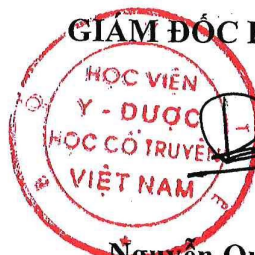
TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kế năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	29,86%	26,68%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	18,69%	16,82%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ SỐ THÔNG KÊ	Năm báo cáo	Năm trước liền kế năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	2156,774	110,434
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	20,500	20,466
II	Thu giáo dục và đào tạo	195,231	89,968
1	Học phí, lệ phí từ người học	179,215	78,620
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	16,016	11,348
III	Thu khoa học và công nghệ	1,043	0
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	1,043	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	155,016	78,436
I	Chi lương, thu nhập	46,951	39,817
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	30,464	26,354

2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	16,487	13,463
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	65,603	31,803
1	Chi cho đào tạo	55,479	26,308
2	Chi cho nghiên cứu	2,679	1,463
3	Chi cho phát triển đội ngũ	1,457	1,146
4	Chi phí chung và chi khác	5,988	2,886
III	Chi hỗ trợ người học	12,006	6,820
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	10,822	5,960
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1,184	860.00
3	Chi hoạt động khác	148	0
IV	Chi khác	30,456	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	61,758	31,994


GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
 Nguyễn Quốc Huy